TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 669/2022/DS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2022
V/v: Đòi nhà và tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2016/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc: "Đòi nhà và tranh chấp thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 831/2016/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1748/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Kim N, sinh năm 1948

Địa chỉ: 232 Lô P cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Vũ Đức C, sinh năm 1930 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: 53 đường số 7, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Thị Phương Th, sinh năm 1972

Địa chỉ: 312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Thị Kim Th2, sinh năm 1956

Địa chỉ: 12 Vienna Drive Santa Ana CA 92703 – USA

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1965

- Bà Đỗ Thị Tuyết Th3, sinh năm 1979

- Trẻ Vũ Đức Th, sinh năm 1999

- Trẻ Vũ Quốc Kh, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1965

Địa chỉ: 53 đường số 7, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Thị Phương Th, sinh năm 192

Địa chỉ: 312 Phạm Văn H, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Thị Kim Th2, sinh năm 1956

Địa chỉ: 12 Vienna Drive Santa Ana CA 92703 – USA

- Ông Nguyễn Vũ Đức Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: 1066 Âu Cơ, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941

Địa chỉ: 29/16 Âu Cơ, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Vũ Đức H, sinh năm 1978

Địa chỉ: 29/16 Âu Cơ, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Vũ Đức V, sinh năm 1970

- Bà Nguyễn Vũ Đức Nh, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 6/26 Cecil St Ashfield NSW 2131 – Australia

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Đức C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đức Th, ông Nguyễn Vũ Đức Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lâm Thị Kim N trình bày:

Bà là cháu của bà Hoàng Thị Q. Trước đây bà Hoàng Thị Q sống ở miền Bắc cùng chồng là ông Vũ Viết Ứ chung sống không có con chung. Năm 1952 ông Vũ Viết Ứ chết, bà Q di cư vào Nam sống bằng nghề buôn bán gà vịt và bán hàng quân tiếp vụ. Năm 1957 bà Q mua căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Danh B với giá 15.000đồng.

Sau khi mua nhà, bà Q cho ông Vũ Đức C là con riêng của chồng ở nhờ từ đó đến nay.

Năm 1993, bà Q lập di chúc cho bà được thừa kế toàn bộ căn nhà. Do giữa bà Q và ông C phát sinh mâu thuẫn nên bà Q khởi kiện yêu cầu ông C trả nhà. Trong qúa trình tòa án giải quyết vụ án, bà Q già yếu-chết ngày 22/5/1997. Căn cứ vào di chúc, nay bà yêu cầu được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hòang Thị Q yêu cầu ông Vũ Đức C trả căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho gia đình ông C là 04 lượng vàng SJC và cho lưu cư trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với phần nhà mà ông C đã tự ý bán khi bà Q còn sống, bà không tranh chấp.

Tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm có Giấy mua bán đoạn mãi nhà ngày 03/7/1957, Di chúc ngày 07/8/1993 do Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Bị đơn ông Vũ Đức C do ông Vũ Đức Th làm giám hộ trình bày:

Ông Vũ Đức C là con của ông Vũ Viết Ứ và bà Hoàng Thị Tr, ông bà chung sống có 03 người con chung gồm: ông Vũ Đức C, ông Vũ Đức Tâm H, ông Vũ Đức H (mất tích năm 1953 không có vợ con). Sau khi bà Tròn chết, ông Ứ kết hôn với bà Hoàng Thị Q là em ruột bà Tr, chung sống không có con chung. Năm 1952, ông Ứ chết.

Ông thừa nhận căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Q đứng tên mua nhưng tiền mua nhà là tiền tử tuất của ông Ứ. Số tiền này do bà Q nhận khi di cư vào Nam và bà Q dùng tiền đó mua căn nhà 380/312 P. Theo ông, căn nhà là tài sản chung của ông Ứ và bà Q nên không đồng ý trả nhà. Trước đây, khi ông C chưa bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, ông đại diện cho ông C đã có đơn yêu cầu chia thừa kế % nhà là di sản do ông Vũ Viết Ứ để lại. Tài liệu chứng minh là Chứng chỉ thừa kế ngày 26/01/1953.

Đối với tờ di chúc ngày 07/8/1993 của bà Hoàng Thị Q, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu vì di chúc chỉ có điểm chỉ mà không có chữ ký của bà Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đức Th trình bày:

Ông là con của ông Vũ Đức C và bà Nguyễn Thị Ng. Quá trình tham gia tố tụng bà Nghĩa chết, ông C đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên gia đình đồng ý để ông làm giám hộ cho ông C. Quá trình cư ngụ gia đình ông sửa nhà nhiều lần chi phí khoảng hơn 40.000.000 đồng nay yêu cầu được hoàn trả. Về phần thừa kế yêu cầu được nhận bằng giá trị trong thời hạn 06 tháng, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp trong khối đi sản thừa kế.

Bà Vũ Thị Kim Th2, bà Vũ Thị M, bà Vũ Thị Phương Th là các con của ông Vũ Đức C và bà Nguyễn Thị Ng do ông Vũ Đức Th làm đại diện có cùng ý kiến như ông Th.

Ông Nguyễn Vũ Đức Đ trình bày:

Ông là con của ông Vũ Đức Tâm H. Ông xác nhận lời trình bày của ông Vũ Đức Th về hàng thừa kế và di sản thừa kế là đúng. Hiện nay ông Hoàng đã chết nên ông nộp đơn yêu cầu được nhận phần thừa kế từ ông nội Vũ Viết Ứ mà lẽ ra cha ông được hưởng nếu còn sống, yêu cầu được nhận thừa kế bằng giá trị, không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp trong khối di sản thừa kế.

Về yêu cầu đòi nhà, ông thống nhất với ý kiến của ông Th. Theo ông, căn nhà không mua bằng tiền riêng của bà Q mà mua bằng tiền tuất của ông Ứ. Khi vào Nam, bà Q ở tại trại tập trung di cư Phú Thọ, hàng tháng lãnh tiền tuất để sống. Sau khi chính phủ Pháp có chủ trương trả tiền tuất làm một lần thì bà Q mới có nhiều tiền để mua nhà. Số tiền đó bao nhiêu ông không biết, nghe nói khoảng vài chục ngàn đồng.

Bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Đức H, bà Nguyễn Vũ Đức V, bà Nguyễn Vũ Đức N trước đây do ông Nguyễn Vũ Đức Đ làm đại diện có cùng ý kiến như ông Đ.

Tại Bản án sơ thẩm số 67/DSST ngày 09/8/1995 của Tòa án nhân dân quận T đã bác yêu cầu đòi nhà của bà Hoàng Thị Q. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Hòang Thị Qkháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 604/DSPT ngày 13/12/1995 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu đòi nhà của bà Hoàng Thị Q. Sau đó bà Nguyễn Thị Ng có đơn khiếu nại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 77 ngày 26/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao đã hủy Bản án phúc thẩm số 604/DSPT ngày 13/12/1995 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Thời điểm này bà Hòang Thị Q chết, bà Lâm Thị Kim N xuất trình di chúc, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Q.

Tại Bản án phúc thẩm lần hai số 522/DSPT ngày 15/10/1999, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Bản án sơ thẩm số 67/DSST ngày 09/8/1995 của Tòa án nhân dân quận T để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do vụ án có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân quận T chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án sơ thẩm lần hai số 1294/2005/DS-ST ngày 23/6/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Lâm Thị Kim N theo di chúc ngày 07/8/1993 của bà Hoàng Thị Q và bác yêu cầu phản tố xin chia thừa kế của ông Vũ Đức C, ông Nguyễn Vũ Đức Đ đối với căn nhà 380/312 P. Sau đó ông Vũ Đức C, ông Nguyễn Vũ Đức Đ kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm lần ba số 36/2006/DS-PT ngày 20/02/2006, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao đã hủy Bản án sơ thẩm số 1294/2005/DS ST ngày 23/6/2005 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tạm đình chỉ giải quyết vụ án, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh tiếp tục giải quyết lại vụ án này theo thủ tục tố tụng dân sự sơ thẩm khi lý do tạm đình chỉ không còn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 831/2016/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 2, 5 Điều 26, 35, 37, Khoản 1 Điều 74, Khoản 2 Điều 91, điểm a Khoản 1 Điều 92, điểm d Khoản 2 Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 62, 170, 255, 256, khoản 2 Điều 305, Điều 643, 649, 654, 669 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Kim N.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Đức C và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Vũ Đức Đ về chia thừa kế.

Xác định căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà Hoàng Thị Q.

Công nhận di chúc do bà Hoàng Thị Q số 35195 lập ngày 07/8/1993 tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

Buộc ông Vũ Đức C và những người đang cư ngụ tại nhà có trách nhiệm giao trả căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Lâm Thị Kim N.

Ghi nhận bà Lâm Thị Kim N tự nguyện cho ông Vũ Đức C và những người đang cư ngụ tại nhà được lưu cư trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Lâm Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán giá trị nhà, giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch và chi phí di dời cho ông Vũ Đức C và những người đang cư ngụ tại nhà tổng cộng là 471.160.265đồng (bốn trăm bảy mươi một triệu một trăm sáu mươi ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng). Thi hành cùng lúc với việc giao trả nhà.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/8/2016 ông Vũ Đức Th là người giám hộ của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 25/8/2016, ông Vũ Đức Th và ông Nguyễn Vũ Đức Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Vũ Đức Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận di chúc và không đồng ý trả nhà. Đề nghị xin hoãn phiên tòa để cung cấp tờ kê khai của bà Bích.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Người liên quan kháng cáo cho rằng tiền tức là tiền thừa kế là không đúng. ông Th và ông Đ không có tài liệu nào khác đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Ông Nguyễn Vũ Đức Đ kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Người giám hộ của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đức Th triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Đức Th, bác kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Đức Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, ông Vũ Đức Th là người giám hộ cho ông Vũ Đức C đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Vũ Đức Th, Vũ Đức C.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Đức Đ:

[2.1] Ông Vũ Viết Ứ và bà Hoàng Thị Tròn chung sống có 03 người con chung gồm: ông Vũ Đức C; ông Vũ Đức Tâm Hoàng (chết năm 2000 có vợ Nguyễn Thị Tý và 04 con Nguyễn Vũ Đức Việt, Nguyễn Vũ Đức Nhân, Nguyễn Vũ Đức Đ, Vũ Đức Hòa); ông Vũ Đức Hải (mất tích năm 1953 không có vợ con). Sau khi bà Tròn chết, ông Ứ kết hôn với em bà Tròn là bà Hoàng Thị Q, chung sống không có con chung. ông Ứ lúc bấy giờ là Thượng sĩ chánh thuộc Tiểu đoàn trợ chiến lưu động của quân đội Pháp được xác định là đã mất tích ngày 10/3/1952. Bà Hoàng Thị Q là vợ nên được lãnh những khoản tiền dành cho ông Ứ.

Năm 1957, bà Q mua của ông Nguyễn Danh B một căn nhà lá, tường gạch mang số 8/3 ấp Ông T, xã Tân Sơn Hòa, quận T với giá 15.000 đồng (nay mang số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) và cho ông Vũ Đức C cùng cư ngụ từ đó đến nay.

Theo bà Lâm Thị Kim N, căn nhà là tài sản riêng của bà Q đã lập di chúc cho bà nên yêu cầu gia đình ông Vũ Đức C trả nhà. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án bà Q chết ngày 22/5/1997. Căn cứ vào di chúc, nay bà yêu cầu được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hoàng Thị Quyết yêu cầu ông Vũ Đức C trả nhà số 380/312 P, phường 5, quận T. Bà đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho gia đình ông C là 4 lượng vàng SJC và cho lưu cư trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với phần nhà mà ông C đã tự ý bán khi bà Q còn sống, bà không tranh chấp.

Theo ông Vũ Đức Th và ông Nguyễn Vũ Đức Đ, căn nhà được bà Q mua bằng tiền tuất của ông Ứ nên có phần của ông Ứ, vì vậy yêu cầu chia di sản thừa kế ông Ứ.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Hoàng Thị Q mua năm 1957. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà . Lâm Thị Kim N không phải chứng minh sự kiện này.

Căn cứ Chứng chỉ thừa kế ngày 26/01/1953 ghi rõ bà Hoàng Thị Q là người có quyền duy nhất lãnh những số tiền dành cho cố Vũ Viết Ứ. Căn cứ Giấy bán đoạn mãi một căn nhà lập ngày 03/7/1957, xác định bà Q là người trực tiếp mua nhà sau khi ông Ứ chết, có thông qua xã Tân Sơn Hòa vi chứng ngày 03/7/1957.

Với các tài liệu nêu trên chỉ có thể xác định bà Q được quyền nhận tiền tuất của ông Ứ, vào thời điểm này ông C đã 22 tuổi không thuộc diện gia đình và Chính phủ có trách nhiệm nuôi dưỡng. Còn việc bà Q có nhận tiền đó để mua căn nhà số 380/312 P hay không thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông Th và ông Đ. Ngoài lời khai và những tài liệu nêu trên, hai ông không xuất trình thêm tài liệu nào khác chứng minh tiền mua nhà là tiền tuất của ông Ứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Như vậy, không có căn cứ chứng minh bà Q dùng tiền nhận lãnh năm 1953 để mua căn nhà số 380/312 P. Do đó, xác định căn nhà là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị Q.

Tại Bản kê khai nhà cửa năm 1977, bà Hoàng Thị Q khai chủ sở hữu đất là ông Nguyễn Văn Sáu, đồng thời còn có các biên nhận bà Q trả tiền đất năm 1957, 1958, 1959. Mặt khác, từ sau năm 1975 đến nay không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Q và Nhà nước cũng chưa có quyết định xử lý phần đất này nên có cơ sở xác định đất của căn nhà số 380/312 P vẫn thuộc sở hữu của bà Hoàng Thị Q.

[2.2] Xét di chúc do bà Hoàng Thị Q lập ngày 07/8/1993 được Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, phù hợp với quy định tại Pháp lệnh thừa kế năm 1980 và Điều 643, 649, 654 Bộ luật Dân sự nên là đi

chúc hợp pháp, được công nhận. Ngoài việc thừa kế theo di chúc, bà Ng còn là người thừa kế theo pháp luật của bà Hoàng Thị Q. Qua đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nhà của bà Lâm Thị Kim N.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của ông Vũ Đức C và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Vũ Đức Đ về chia thừa kế:

Như trên đã nhận định, do hai ông không chứng minh được căn nhà là tài sản chung của ông Ứ với bà Q nên không có cơ sở chia thừa kế ông Ứ. Ngoài ra, bà Q đã định đoạt căn nhà cho bà Ng mà ông C và ông Đ lại không phải là đối tượng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc được quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự bởi lẽ vào thời điểm bà Q lập di chúc ông C chưa bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên không có cơ sở cho ông C và ông Đ được hưởng thừa kế từ bà Q.

Theo ông C khai quá trình cư ngụ có sửa chữa và cơi nới thêm diện tích nhà. Hội đồng xét xử xét, căn cứ hiện trạng nhà tại giấy mua bán năm 1957 với hiện trạng nhà hiện nay thì thấy căn nhà đã được sửa chữa, nay bà Ng được nhận lại nhà nên phải có trách nhiệm hoàn trả chi phí sửa chữa cho gia đình ông C là phù hợp. Theo Biên bản định giá tài sản do Hội đồng định giá lập ngày 24/5/2011, phần xây dựng trị giá 73.520.265 đồng, quyền sử dụng đất trị giá 32.000.000 đồng/m x 7,87m^2 (phần diện tích ông Vũ Đức C cơi nới thêm) = 251.840.000đồng. Ngoài ra, bà Ng còn tự nguyện hỗ trợ cho ông C chi phí di dời 04 lượng vàng SJC tương đương 145.800.000 đồng. Vậy tổng cộng số tiền mà bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho ông C và những người đang cư ngụ tại nhà là 471.160.265 đồng là có cơ sở. Do ông C đã chết nên số tiền trên các thừa kế của ông C được nhận và tự chia nếu phát sinh tranh chấp đối với số tiền này giữa những người thừa kế thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Với các phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Đức Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Vũ Đức Th, Vũ Đức C.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ Đức Đ, ông Vũ Đức Th, ông Vũ Đức C phải chịu án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 289; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Đức Th, Vũ Đức C.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Đức Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 2, 5 Điều 26, 35, 37, Khoản 1 Điều 74, Khoản 2 Điều 91, điểm a Khoản 1 Điều 92, điểm d Khoản 2 Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 62, 170, 255, 256, khoản 2 Điều 305, Điều 643, 649, 654, 669 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Kim N.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Đức C và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Vũ Đức Đ về chia thừa kế.

Xác định căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bà Hoàng Thị Q.

Công nhận di chúc do bà Hoàng Thị Q số 35195 lập ngày 07/8/1993 tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

Buộc những người đang cư ngụ tại nhà có trách nhiệm giao trả căn nhà số 380/312 P, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Lâm Thị Kim N.

Ghi nhận bà Lâm Thị Kim N tự nguyện cho những người đang cư ngụ tại nhà được lưu cư trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Lâm Thị Kim N có trách nhiệm thanh toán giá trị nhà, giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch và chi phí di dời cho những người thừa kế của ông C là bà Vũ Thị M, ông Vũ Đức Th, bà Vũ Thị Phương Th, bà Vũ Kim Thu và những người đang cư ngụ tại nhà tổng cộng là 471.160.265 đồng (bốn trăm bảy mươi một triệu một trăm sáu mươi ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng). Nếu phát sinh tranh chấp đối với số tiền này giữa những người thừa kế thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác.Thi hành cùng lúc với việc giao trả nhà.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ Đức Đ, ông Vũ Đức Th, ông Vũ Đức C mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 00312058, 0031059, 0031060 ngày 06/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. (đã nộp đủ)

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Đương sự (8)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) (MTTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thanh Duyên